

Bản án số: **15/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/3/2026
*V/v Tranh chấp về chia tài sản
sau khi ly hôn và Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thanh Nga
- Ông Nguyễn Hữu Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 566/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30/11/2023 về việc “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn và Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Hồng X**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Số A L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hương G sinh năm 1998

Địa chỉ liên lạc: Số I S T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

(có mặt)

Bị đơn: Ông **Lã Anh T**, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Số D T, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh

(có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lã Phương L**, sinh năm 1950;

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1955

Cùng nơi cư trú: Số D T, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh

(ông L có đơn xin vắng mặt; bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng X có bà Nguyễn Thị Hương G đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Hồ Thị Hồng X và ông Lã Anh T chung sống với nhau và có đăng ký với nhau. Trong quá trình chung sống, bà X và ông T có tài sản chung là 01 chiếc xe Toyota hiệu Vios, màu bạc mang biển số 51G-070.15 đứng tên bà Hồ Thị Hồng X. Đến ngày 26/5/2023, bà X và ông T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 253/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó tại phần tài sản chung thể hiện: Các đương sự xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, giữa bà X và ông T không thể thỏa thuận được phần tài sản chung.

Nay bà X yêu cầu phát mãi chiếc xe trên và chia đôi giá trị, mỗi bên được $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe; Hoặc nếu trong trường hợp ông T muốn giữ lại chiếc xe này, thì theo kết quả thẩm định giá xe này có trị giá là 258.900.000 đồng, bà X yêu cầu ông T hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 129.450.000 đồng.

Ngoài ra, bà X không đồng ý yêu cầu độc lập của ông Lã Phương L và bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông T và bà X trả số tiền là 250.000.000 đồng mà vợ chồng ông L và bà H đã cho mượn để mua xe này. Bởi lẽ, bà X không có vay tiền của ông L và bà H, nếu ông L và bà H cho rằng có việc vay tiền để mua xe, thì ông L và bà X phải chứng minh. Do đó, bà X đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông L và bà H.

Bị đơn ông Lã Anh T trình bày:

Ông và bà Hồ Thị Hồng X đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 253/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng phần tài sản chung là tự giải quyết. Quá trình chung sống, ông và bà X có tài sản chung là 01 chiếc xe Toyota hiệu Vios, màu bạc mang biển số 51G-070.15 đứng tên Hồ Thị Hồng X, khi mua chiếc xe này giá là 440.000.000 đồng, trong đó vợ chồng ông vay của ba mẹ ông là ông Lã Phương L và bà Nguyễn Thị H số tiền là 250.000.000 đồng, số tiền còn lại 190.000.000 đồng là của vợ chồng ông.

Nay ông đồng ý phát mãi tài sản chung để chia đôi giá trị tài sản cho ông và bà X, nhưng sau khi phát mãi xe, thì phải trả trước số tiền là 250.000.000 đồng cho ba mẹ ông là ông L và bà H số tiền còn lại thì chia đôi cho ông và bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Phương L và bà Nguyễn Thị H cùng thống nhất trình bày:

Ông và bà là ba mẹ của ông T tại thời điểm vợ chồng ông T mua xe Toyota Vios, màu bạc biển số 51G-070.15, vợ chồng ông L và bà H cho ông T và bà X vay số tiền là 250.000.000 đồng, khi cho mượn không làm giấy tờ. Nay ông L và bà H yêu cầu ông T và bà X trả cho vợ chồng ông L và bà H số tiền là 250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng X có bà Nguyễn Thị Hương G đại diện theo ủy quyền trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phát mãi tài sản chung của bà X và ông T là xe Toyota Vios màu bạc, biển số 51G-070.15, mỗi bên được $\frac{1}{2}$ trị giá của chiếc xe. Đồng thời, bà X không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông L và bà H do

không có việc vay tiền để mua xe Toyota Vios màu bạc biển số 51G-070.15 như lời trình bày của ông L bà H Nếu ông L bà H cho rằng có việc cho vay tiền, thì đề nghị cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Bị đơn ông Lã Anh T trình bày: Ông đồng ý phát mãi chiếc xe Toyota Vios màu bạc, biển số 51G-070.15 để chia đôi giá trị tài sản cho ông và bà X, nhưng sau khi phát mãi xe thì phải trả trước số tiền là 250.000.000 đồng cho ba mẹ ông là ông L bà H số tiền còn lại thì chia đôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu ông T bà X trả số tiền là 250.000.000 đồng cho bà và ông L. Do ông bà là ba mẹ của ông T nên khi cho vợ chồng ông T vay tiền mua xe thì ông, bà không có làm giấy tờ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Phương L có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hồng X về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông Lã Anh T Bà X và ông T mỗi người được $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô Toyota hiệu Vios, màu bạc mang biển số 51G-070.15 hiện đứng tên bà Hồ Thị Hồng X

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lã Phương L và bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông T bà X liên đới trả số tiền là 250.000.000 đồng là tiền mua xe ô tô.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí đối với phần tài sản mình được hưởng. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về chi phí thẩm định giá tài sản: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu chi phí định giá là 4.500.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét bà Hồ Thị Hồng X khởi kiện ông Lã Anh T yêu cầu giải quyết tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn, nên có cơ sở xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Chia tài sản sau khi ly hôn”; Ông Lã Phương L bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông T bà X trả số tiền vay, nên có cơ sở xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; đồng thời, ông T cư trú tại phường X, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan ông Lã Phương L có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng X, yêu cầu phát mãi tài sản chung của bà và ông Lã Anh T là 01 xe Toyota Vios, màu bạc biển số 51G-070.15, chia đôi trị giá, mỗi bên được ½ trị giá của chiếc xe.

Căn cứ sự thừa nhận của các đương sự và thời điểm tạo lập tài sản cũng như kết quả xác minh của Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định xe Toyota Vios màu bạc, biển số 51G-070.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50.071510 của Công an Thành phố H cấp cho bà Hồ Thị Hồng X ngày 11/11/2021 là tài sản chung của ông T bà X được tạo dựng hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân.

Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 253/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2023, theo đó tại phần tài sản chung, bà X và ông T xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, các đương sự không thể tự giải quyết về tài sản chung, nên bà X yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là có cơ sở để xem xét theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T cho rằng số tiền mua xe nêu trên là 440.000.000 đồng, trong đó số tiền bà X ông T dùng để mua xe là 190.000.000 đồng, số tiền còn lại là 250.000.000 đồng, bà X ông T vay của ba mẹ ông là ông Lã Phương L bà Nguyễn Thị H. Ông đồng ý sau khi phát mãi tài sản này, thì trả cho ông L bà X số tiền là 250.000.000 đồng, số tiền còn lại thì chia đôi cho ông T bà X. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của ông T, ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Về phía bà X phủ nhận lời trình bày của ông T và bà X cũng không đồng ý với phương thức trả nợ như đề nghị của ông T.

Từ nhận định nêu trên, có đủ cơ sở xác định xe Toyota Vios, màu bạc biển số 51G-070.15 là tài sản chung của bà X ông T theo đó, tài sản chung của vợ chồng là tài sản chung hợp nhất, về nguyên tắc là phải chia đôi cho mỗi bên nhận một phần bằng nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo Kết luận Thẩm định giá ngày 05/6/2025 của Công ty cổ phần Đ xây dựng kinh doanh Bất động sản, xe Toyota Vios màu bạc, biển số 51G-070.15 có trị giá là 258.900.000 đồng. Ông T đang là người quản lý xe Toyota Vios, màu bạc biển số 51G-070.15, nhưng ông T không có nhu cầu nhận xe để hoàn ½ trị giá cho bà X, nay cả hai cùng thống nhất yêu cầu phát mãi xe để chia đôi trị giá cho mỗi bên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng X về yêu cầu phát mãi tài sản chung là xe Toyota Vios, màu bạc biển số 51G-070.15 của bà và ông Lã Anh T mỗi bên được ½ trị giá của chiếc xe.

[2.2] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Phương L bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông Lã Anh T bà X trả vợ chồng ông L bà H số tiền là 250.000.000 đồng.

Ông Lã Phương L bà Nguyễn Thị H cho rằng tại thời điểm ông T bà X mua chiếc xe Toyota Vios màu bạc, biển số 51G-070.15, thì vợ chồng ông L bà H có cho bà X ông T vay số tiền là 250.000.000 đồng để bà X ông T mua xe. Do ông, bà là cha mẹ của ông T nên khi cho ông T bà X vay tiền thì không làm giấy tờ.

Hội đồng xét xử xét, căn cứ Điều 91 có quy định “Đương sự có nghĩa vụ thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó

là có căn cứ và hợp pháp khi có yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”, như vậy, bà H ông L phải có nghĩa vụ chủ động cung cấp, giao nộp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông L bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Mặc dù, ông T thừa nhận lời trình bày của ông L bà H và đồng ý sau khi phát mãi xe, thì phải trả trước số tiền là 250.000.000 đồng cho ông L bà H nhưng ngoài lời khai của ông T ông T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T bà X có mượn số tiền này. Ngoài ra, đây là nghĩa vụ chung của ông T bà X việc bà X không thừa nhận, nên không có căn cứ buộc ông T bà X phải trả nợ cho ông L bà X

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của độc lập của ông Lã Phương L bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông là T bà X trả vợ chồng ông L bà H số tiền là 250.000.000 đồng.

[2.3]. Về án phí sơ thẩm:

Bà X ông T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà đương sự được chia; Ông L bà H được miễn tòa bộ án phí theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.4]. Về chi phí tố tụng:

Xét đây là vụ án chia tài sản chung, mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia, nên chi phí thẩm định giá mỗi bên phải chịu là $\frac{1}{2}$. Bà X đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định giá là 9.000.000 đồng, nên chi phí thẩm định giá mỗi bên chịu là 4.500.000 đồng. Do đó, ông T hoàn trả số tiền là 4.500.000 đồng cho bà X là phù hợp theo quy định tại Điều 164, Điều 165 và Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 463 và Điều 464 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng X

- Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Hồ Thị Hồng X và ông Lã Anh T là chiếc xe Toyota Vios màu bạc, biển số 51G-070.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50.071510 của Công an Thành phố H cấp cho bà Hồ Thị Hồng X ngày 11/11/2021;

- Ông Lã Anh T là người đang quản lý xe Toyota Vios màu bạc, biển số 51G-070.15 có trách nhiệm giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền để phát mãi tài sản. Giá trị tài sản sau khi phát mãi trừ đi các chi phí theo quy định, phần

giá trị còn lại được chia cụ thể: Ông Lã Anh T được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản và bà Hồ Thị Hồng X được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Phương L bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông là T bà X trả vợ chồng ông L bà H số tiền là 250.000.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Hồ Thị Hồng X phải chịu án phí sơ thẩm là 6.472.500 (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng, nhưng được cân trừ số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng bà X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0042655 ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X còn phải nộp số tiền là 2.722.500 (Hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

- Ông Lã Anh T phải chịu án phí sơ thẩm là 6.472.500 (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

- Ông Lã Phương L bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lã Anh T có trách nhiệm hoàn trả $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí thẩm định giá tài sản là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng cho bà Hồ Thị Hồng X đã nộp theo Hợp đồng tư vấn dịch vụ thẩm định giá số 167/25/HĐ-TĐG ngày 23/5/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 1;
- Cục THADS Khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Trần Hồng Loan